TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2018/HC-PT
Ngày 14 – 6 – 2018
V/v Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Công Lý

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Nguyễn Văn Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 286/2017/TLPT-HC ngày 12 tháng 9 năm 2017 về "Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm 647/2017/QĐ-HC ngày 26 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị C; sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn M; sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (theo văn bản ủy quyền ngày 06/9/2016 – có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Lương Minh K – thuộc Văn phòng luật sư K – Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Nông (có mặt).

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương Thanh T – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông (theo văn bản ủy quyền số 6569/UBND-NC ngày 08/12/2016), có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông Nguyễn Phước V – Phó Chánh thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông (có mặt).

- Ông Hoàng Văn T1 – Thanh tra viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trà Văn L, sinh năm 1957; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông (có mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị C - là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người khởi kiện bà Nguyễn Thị C trình bày:*

Bà Nguyễn Thị C và ông Trà Văn L có tranh chấp về quyền sử dụng đất và được Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện K giải quyết tại Quyết định số: 3873/QĐ-UBND ngày 09/10/2015. Ông L không đồng ý với quyết định này nên đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông. Ngày 23/8/2016, Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông ban hành Quyết định số 1468/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai lần hai giữa ông L và bà C. Nội dung quyết định: Công nhận quyền sử dụng đất của ông Trà Văn L đối với diện tích 229,5m^2 đất đang tranh chấp. Bà C không đồng ý nên đã làm đơn khởi kiện vụ án hành chính với yêu cầu huỷ toàn bộ quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc giải quyết tranh chấp đất đai lần hai giữa ông Trà Văn L và bà Nguyễn Thị C.

** Người bị kiện trình bày:*

Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông không thống nhất với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, vì: Căn cứ vào kết quả thẩm tra, xác minh; Điều 15 Luật đất đai 2003 (khoản 3 Điều 12 Luật đất đai 2013); khoản 1 Điều 30 Luật đất đai 1993 (điểm a khoản 1 Điều 106 Luật đất đai 2003; điểm a khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013); Điều 21 và Điều 91 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai năm 2013 thì xác định việc sử dụng đất của ông Trà Văn L là liên tục, ổn định và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, có nhiều năm liên tục đóng thuế nhà, đất theo quy định. Do đó, việc sử dụng đất của ông Trà Văn L được nhà nước thừa nhận theo diện tích đất thực tế đang sử dụng; đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn L trình bày:*

Đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C; giữ nguyên Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2017/HC-ST ngày 20 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348 của Luật tố tụng hành chính; Áp dụng khoản 2 Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 91 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 01/8/2017, bà Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bà C cho rằng ông V, ông T1 là cán bộ thanh tra của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh nhưng Tòa sơ thẩm chấp nhận cho làm người bảo vệ của người bị kiện là không đúng; yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xử hủy quyết định hành chính số 1468/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên kháng cáo; các bên không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C ý kiến cho rằng phần đất mà bà C và ông L tranh chấp trước đây vợ chồng bà C, ông Đ được Ban kinh tế mới của xã giao cấp, vợ chồng bà sử dụng từ năm 1980 đến năm 2000 thì chuyển đi do bị lũ lụt, quá trình sử dụng bà C, ông Đ có bán cho 3 hộ hết 26m ngang (trong đó có ông L), còn lại 14m ngang bà cho con là ông Nguyễn M1 thì bị ông L lấn chiếm; Tòa sơ thẩm không thu thập bản đồ giải thửa, không thẩm định tại chỗ, không đưa ông M1 tham gia tố tụng là vi phạm; về nguồn gốc phần đất ông L trình bày không được rõ ràng nên đề nghị phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông ý kiến cho rằng, về việc Ban kinh tế mới xã giao đất cho vợ chồng bà C không có giấy tờ gì, hiện nay không có gì chứng minh phần đất tranh chấp là đất của bà C, từ năm 2000 đến nay do ông L cất nhà ở ổn định, đóng thuế nhà nước nhiều năm, không ai tranh chấp. Gia đình bà C không sử dụng, đến năm 2013 mới gửi đơn tranh chấp tại xã. Đương sự tranh chấp nhưng không ai có giấy tờ gì về quyền sử dụng, và ông L sử dụng ổn định từ năm 2001 đến nay nên Chủ tịch UBND tỉnh căn cứ quy định của Luật đất đai và Nghị định số 43 hướng dẫn công nhận quyền sử dụng đất cho ông L là đúng đắn, đề nghị bác kháng cáo của bà C.

Ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, xét thấy ông Nguyễn Phước V và ông Hoàng Văn T1 là cán bộ thanh tra

thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đăk Nông, không phải là cán bộ công tác trong cơ quan Thanh tra. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận cho ông V và ông T1 tham gia tố tụng với tư cách người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện là không vi phạm quy định của Điều 61 Luật tố tụng hành chính. Đối với việc không đưa ông Nguyễn M1 tham gia tố tụng thì thấy rằng, bà Nguyễn Thị C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Đăk Nông về việc giải quyết tranh chấp đất giữa bà C với ông Trà Văn L, vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa ông L tham gia tố tụng. Còn ông M1 (là con bà C) không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ gì trong việc khiếu kiện của bà C đối với quyết định hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh, nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông M1 tham gia tố tụng là đúng đắn.

[2] Về phần đất giữa bà Nguyễn Thị C với ông Trà Văn L tranh chấp và hiện do ông L đang sử dụng. Theo lời khai của bà Nguyễn Thị C và ông Trà Văn L, lời khai của người làm chứng là những người công tác tại UBND xã trước đây và những người sống lân cận được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập như: Ông Phan Thanh T2, ông Hồ Quốc B (nguyên là Chủ tịch và cán bộ địa chính xã Đức Xuyên), ông Huỳnh Xuân H, ông Nguyễn Thành A (là người mua, bán đất với ông Đ và ông L), ông Nguyễn Đức L1, ông Huỳnh Văn B1 (sống lân cận) thì có căn cứ xác định giữa vợ chồng bà C, ông Nguyễn Đ (ông Đ đã chết) với ông L có việc chuyển nhượng đất trên thực tế. Tuy nhiên, việc vợ chồng bà C được giao cấp đất trước đây được bao nhiêu mét vuông, vị trí, kích thước thế nào đều không có giấy tờ gì thể hiện và bà đã bán cho nhiều người khác không còn sử dụng từ năm 2000. Còn việc chuyển nhượng giữa vợ chồng bà C với ông A và ông L thì có làm giấy tay nhưng nay cũng không còn giữ nên không thể hiện được vị trí và diện tích cụ thể là bao nhiêu, nhưng từ năm 2001 đến nay ông L đã cất nhà ở sử dụng phần đất này. Bà C thì cho rằng việc tranh chấp phát sinh từ năm 2003 nhưng bà không cung cấp được tài liệu gì chứng minh. Theo các tài liệu thu thập được có trong hồ sơ thể hiện bà C khiếu nại tranh chấp đất đai với ông L vào năm 2013 (sau khi ông Đ chết), được Ủy ban nhân dân xã Đ thụ lý và giải quyết. Còn ông L cung cấp các chứng cứ gồm Thông báo về việc thu các khoản thuế, các quỹ nghĩa vụ của công dân năm 2006, 2007, 2009, sổ theo dõi các khoản đóng góp nghĩa vụ với địa phương của hộ gia đình năm 2010, 2011. Các tài liệu này thể hiện ông L nộp thuế sử dụng đất cho nhà nước từ 2006, gia đình ông có 5 nhân khẩu và không còn đất nào khác để ở ngoài phần đất có tranh chấp.

[3] Đối chiếu bản đồ quy hoạch sử dụng đất xã Đ đến năm 2020 thể hiện diện tích đất mà bà C với ông L đang tranh chấp thuộc quy hoạch đất ở. Trước đó, giai đoạn năm 2001 – 2010 được quy hoạch đất xây dựng chợ Đ.

[4] Căn cứ Điều 101 của Luật đất đai năm 2013 quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà không có giấy tờ về quyền sử dụng đất; căn cứ Điều 21 của Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định căn cứ xác định việc sử dụng đất ổn định; Điều 91 quy định căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai trong trường hợp các bên tranh chấp

không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Xét thấy, tuy về đất trước đây bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Đ được Ban kinh tế mới xã Đ giao một phần đất sản xuất nhưng không có giấy tờ, không có diện tích cụ thể, vị trí ranh giới cũng không rõ ràng. Từ năm 2000, bà C, ông Đ đã chuyển nhượng cho nhiều người, trong đó có ông Trà Văn L, cũng không còn giấy tờ thể hiện, từ đó về sau bà C và gia đình không sử dụng đất; còn ông L sử dụng diện tích 229,5m^2 và cất nhà kiên cố để ở từ năm 2001 đến nay, không ai tranh chấp, khiếu nại gì. Năm 2013, bà C mới khiếu nại ra xã cho rằng ông L lấn chiếm đất của bà.

[5] Xét thấy, vợ chồng bà C được giao đất nhưng không có giấy tờ gì thể hiện cụ thể và đã chuyển nhượng, không sử dụng. Còn ông L nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định, liên tục từ năm 2001 đến nay, không có căn cứ nào xác định là ông L đã lấn chiếm đất của gia đình bà C. Căn cứ vào các quy định của pháp luật về đất đai được viện dẫn nêu trên và thực tế sử dụng đất của ông L phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương. Việc sử dụng đất của ông L là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông giải quyết ban hành Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 nội dung công nhận quyền sử dụng diện tích 229,5m^2 đất tranh chấp cho ông L là có căn cứ. Quyết định được ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn. Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C là đúng pháp luật.

[6] Xét các quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị C và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, quyết định của bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính; Điều 101 Luật đất đai 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 91 Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị C - là người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị C về việc yêu cầu hủy Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 23/8/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đăk Nông về việc giải quyết tranh chấp đất (lần 2) giữa ông Trà Văn L với bà Nguyễn Thị C tại xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 200.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 200.000 đồng theo biên lai số 000739 ngày 28/11/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đăk Nông (do Nguyễn Thị Quỳnh D nộp thay).

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004491 ngày 31/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đăk Nông (do Nguyễn Đức L3 nộp thay).

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đăk Nông;
- NKK (1);
- NBK (1;
- NLQ (1);
- Lưu VP (3). HS (2). 13b. (MSL38)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Công Lý